

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/06/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+CTC1	7:25	18+4	0+0		17+5	0+0	
2		BK6+PPD+P9	7:25	8+14+0	0+0+0		3+13+6	0+0+0	
3		RC5+RC3+TD5	7:25	5+8+9	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
4		RC10+RP2	9:25	6+14	0+0		4+16	0+0	Tháo ghế chở thực phẩm
5		P3+P4+AMD	9:25	5+16+0	0+0+0		0+21+1	0+0+0	
6		BK19+TD3+P2	9:25	4+0+18	0+0+0		2+1+19	0+0+0	Chuyen 1 TD3 (P7)-P2
7		CTC1+P11+P2	11:25	14+0+8	0+0+0		8+0+14	0+0+0	Chuyen 5 CTC1 P11
8		PPD+BK5+BK6	11:25	13+5+0	0+0+0		7+4+11	0+0+0	
9		RP3+PPD+P4	11:25	21+0+0	0+0+0		19+0+0	0+0+0	Chuyen 1 RP3-PPD, chuyen 2 RP3-P4
10		MRM+CTK3+RP2	13:25	3+2+8	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
11		VSP02+TD5	13:25	16+6	0+0		9+13	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày: 8 người RP2, 4 người BK6, 2 người CTC1

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	TO: RP2 - CTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Linh - NPhú - Toan	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN QUYẾT	RP2	28	1	5		88	SINH HUNG	Vietnamese
2	BRANCHUKOV V.B	RP2	19	1	2		68	D-HANH	Russian
3	NGUYỄN HOÀI VŨ	RP2					68	D-HANH	Vietnamese
4	LÊ HỒNG ĐẠI	RP2	27	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
5	KHAILIMOV	RP2	12	1	4		90	KH-THAC	Russian
6	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	25	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC CHINH	RP2	22	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	20	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	13-14	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	16-17	2	19		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	RP2	15,21	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA DUY	RP2	26	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	24	1	5	60	66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	23	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CANH TÂN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
16	YATSENKO S.V.	RP2	18	1	2		100	ANTOAN	Russian
17	TRẦN VĂN LINH	RP2					70	NIPI	Vietnamese
18	NGUYỄN THỊ HẠNG	RP2					60	NIPI	Vietnamese
19	AKOPOV	CTC1	86	1	5		80	KH-THAC	Russian
20	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	87	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
21	MIRSAYAPOV RUSLAN	CTC1	88	1	4	40	100	KH-THAC	Russian
22	LÊ VĂN LAM	CTC1					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

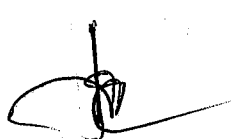
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	18	17	92	1.321	60	17		
2	CTC1	4	3	15	332	40	5		
TOTAL		22	20	107	1.653	100	22		
WEIGHT KG				107	1.653	100			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: BK6 - PPD - P9	CREW: L Tuấn - Mạnh - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

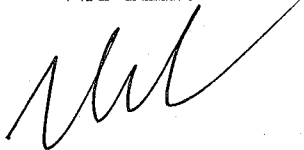
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC AN	BK6	75	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRƯỜNG SA	BK6	74	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO TRUNG KIẾN	BK6	73	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK6				35	75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH DUNG	BK6					90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÙNG	BK6	71-72	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU QUỲNH AN	BK6	69	1	9		102	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHỄ	BK6	70	1	9		65	PSV	Vietnamese
9	LAM QUANG NAM	PPD	86	1	9		80	KHI	Vietnamese
10	HOANG MINH HIẾU	PPD	87-88	2	10		67	KHI	Vietnamese
11	ĐINH THỂ QUÂN	PPD	85	1	5		67	KHI	Vietnamese
12	BUI THANH HAI	PPD	96	1	4		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG DAI NGHIA	PPD	94	1	6	70	78	KHI	Vietnamese
14	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	89	1	4		71	KHI	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	97	1	7		69	KHI	Vietnamese
16	VÕ TÁ QUANG	PPD	93	1	7		72	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	84	1	2		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	90	1	7		60	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN VỊNH	PPD	95	1	4		77	KHI	Vietnamese
20	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	92	1	5		80	KHI	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN BAN	PPD	91	1	5		77	KHI	Vietnamese
22	HUYNH NAM LONG	PPD	99	1	7		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	8	7	42	618	35	6		
2	PPD	14	15	82	999	70	13		
3	P9	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	22	124	1.617	105	22		
WEIGHT KG				124	1.617	105			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: RC5 - RC3 - TD5	CREW: XHOÀN - MTHAO - NNam	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN DŨNG	RC5	93	1	11	40	60	CODIEN	Vietnamese
2	PHAN THANH SON	RC5	87	1	13		78	T-TIN	Vietnamese
3	TRẦN HOANG TRIỀU	RC5	91	1	11		76	T-TIN	Vietnamese
4	LÊ VĂN LỘC	RC5	88-90	3	20		60	T-TIN	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN THAM	RC5	92	1	9	32	61	T-TIN	Vietnamese
6	PHAN TÂN TÀI	RC3	52-53	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÂM TRỌNG ĐẠI	RC3	54-55	2	13		56	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG MINH KHÁNH	RC3	34	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ KHANH NAM	RC3	33	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HAI VIỆT	RC3	50	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ QUỐC TUÂN	RC3	35-36	2	11		75	PVGAS	Vietnamese
12	BUI ĐỨC KHÁNH	RC3	51	1	6		57	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG THANH	RC3	32	1	7		72	PSV	Vietnamese
14	VŨ THẾ HÙNG	TD5	75	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
15	HOÀNG SY NGOC	TD5	68	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT HÒA	TD5					78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH SƠN	TD5	70-71	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HAI	TD5	69	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG ĐÌNH VINH	TD5	72	1	5		68	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH ĐỎ	TD5	67	1	19	11	75	XAYLAP	Vietnamese
21	VI THAI	TD5	65-66	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ VĂN TRUNG	TD5				29	72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	5	7	64	335	72	0		
2	RC3	8	11	71	564	0	10		
3	TD5	9	9	81	638	40	12		
TOTAL		22	27	216	1.537	112	22		
WEIGHT KG				216	1.537	112			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



pc lây đủ M



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 04	TO: RC10 - RP2	CREW: KHOÀN - MTHAO - N Nam	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠU HUY HOÀNG	RC10	04-06	3	19	145	70	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU ĐỨC HÙNG	RC10	07	1	5	166	60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY DƯƠNG	RC10	02	1	15	9	69	XAYLAP	Vietnamese
5	KHÔNG QUỐC TIẾN	RC10	01	1	18		69	XAYLAP	Vietnamese
6	VU NGOC HUNG	RC10	03	1	7		61	PSV	Vietnamese
7	HOANG VAN LINH	RP2	94-95	2	10		60	YTE	Vietnamese
8	ĐÀO TRƯỜNG SƠN	RP2	84	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	RP2	93	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	85	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐỨC LONG	RP2	96	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HOÀNG HUNG	RP2	87	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HUU QUAN	RP2	98	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TUAN CUONG	RP2	97	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VÔ HOANG CAM	RP2	86	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ LAM	RP2	92	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	91	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	88-89	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	90	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGON QUANG DUY	RP2	83	1	10		89	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	6	7	64	399	320	6		THAO 01 GHE DOI CHO THUC PHAM
2	RP2	14	16	92	973	0	14		
TOTAL		20	23	156	1.372	320	20		
WEIGHT KG				156	1.372	320			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: P3 - P4 - AMD	CREW: Linh - NPhú - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

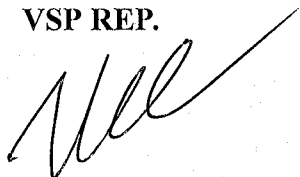
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRUNG KIẾN	P3	60	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO ĐỨC THÁI	P3	58-59	2	20		90	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THÈ HANH	P3	57	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUY TÀI	P3	63	1	11		56	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN LINH	P3	60-61	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG TUÂN CHUNG	P4				50	77	KHI	Vietnamese
7	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	53	1	5	25	77	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	25	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	P4	500	1	4		80	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN HÙNG	P4					75	KHI	Vietnamese
11	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	52	1	4		90	KHI	Vietnamese
12	LÊ VĂN HUỠNG	P4	24	1	5		69	KHI	Vietnamese
13	TẠ VĂN QUYNH	P4					73	KHI	Vietnamese
14	VŨ NGỌC TUÂN	P4	30	1	7		84	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	31	1	3		68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH CANG	P4	26	1	7		77	KHI	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC THỊNH	P4	28-29	2	10		55	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN MẠNH CUÔNG	P4	32-33	2	14		74	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀNG NGỌC HOÀI	P4	51	1	19	30	64	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẶNG THẮNG LONG	P4	42,50	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
21	HOÀNG THAI TÀI	P4	27	1	9		78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	7	77	363	0	0		
2	P4	16	16	112	1.189	105	21		
3	AMD	0	0	0	0	20	1		
TOTAL		21	23	189	1.552	125	22		
WEIGHT KG				189	1.552	125			

GRAND TOTAL: 1.866 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	TO: BK19 - TD3 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: L Tuấn - Mạnh - Huy	ETA: 11:45
Cam-2			

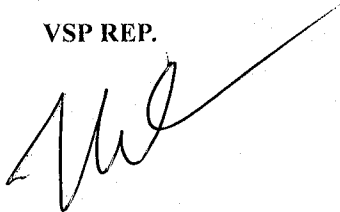
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HỒNG QUY	BK19	16	1	10		75	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỪNG	BK19	21	1	15	30	58	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CUÔNG	BK19	19-20	2	18		82	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HÙNG	BK19	17-18	2	18		61	DVL	Vietnamese
5	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	P2	86-87	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	P2	93	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HAI	P2	90	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	95	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	TRÁC ĐỨC HUY	P2	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	P2	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	99	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ANH VŨ	P2	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN THỌ	P2	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU VĂN TỬ	P2	88	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN HIỂU	P2	85	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	94	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	K'LING	P2	400	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO HUY HÙNG	P2	83	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	96	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK19	4	6	61	276	30	2		CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG P2
2	TD3	0	0	0	0	30	1		
3	P2	18	18	92	1.218	0	19		
TOTAL		22	24	153	1.494	60	22		
WEIGHT KG				153	1.494	60			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.



VNH REP.

Hoa

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: CTC1 - P11 - P2	CREW: Dương - ĐNam - Vũ	ETA: 14:00
XANH-3			

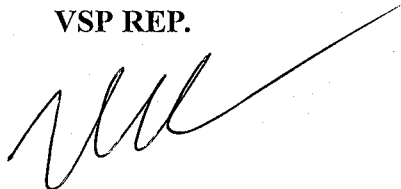
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI SY HIEU	CTC1	67	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG XUAN THANH	CTC1	63	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LE QUANG ANH HUNG	CTC1	73	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TA VAN VIET	CTC1	74	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NGOC LAN	CTC1	71	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN TRONG MANH	CTC1	69	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN QUANG HUY	CTC1	68	1	14		90	DVL	Vietnamese
8	PHAM HAI LONG	CTC1	64	1	13		78	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN THIEU BINH	CTC1	60-61	2	17		58	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN MINH THAO	CTC1	62	1	18		69	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN DUC PHUNG	CTC1	58	1	8	17	62	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DONG	CTC1	65-66	2	16		68	DVL	Vietnamese
13	TRAN VAN VIET (1991)	CTC1	70	1	4		68	PSV	Vietnamese
14	Dinh Van Luu	CTC1	72	1	5		52	PSV	Vietnamese
15	PHAM VAN QUYEN	P2	24-25	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
16	TANG MANH HA	P2	23	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
17	VU NGOC DUNG	P2	21	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC DU	P2	22	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH NAM	P2	20	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HIEU	P2	01	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THO DUNG	P2	26	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
22	LE SINH TAM	P2	19	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

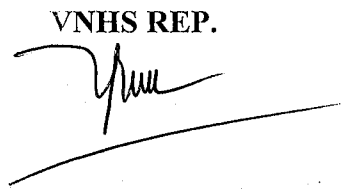
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	14	16	123	953	17	8+5		CHUYEN 5 PAX CTC1-P11
2	P11	0	0	0	0	2	0		
3	P2	8	9	53	578	0	14		
TOTAL		22	25	176	1.531	19	22		
WEIGHT KG				176	1.531	19			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

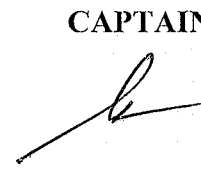
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	TO: PPD - BK5 - BK6	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - Thành	ETA: 14:05
CAM-3			

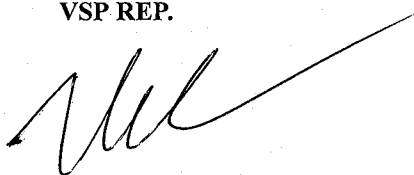
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	49	1	3		50	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN HAI	PPD	50	1	5	50	74	KHI	Vietnamese
3	HOANG HUY TIEN	PPD	51	1	5		56	KHI	Vietnamese
4	ĐOAN DUY HUNG	PPD	47	1	5		92	KHI	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG THAI	PPD	48	1	4		68	KHI	Vietnamese
6	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	46	1	5		60	KHI	Vietnamese
7	ĐO VĂN TU	PPD	41-42	2	10		60	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	PPD	45	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	NGÔ SỸ PHU	PPD	36-38	3	17		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THANH	PPD	43-44	2	17		60	KHI	Vietnamese
11	LÊ VĂN THĂNG	PPD	39-40	2	15		55	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LINH	PPD	34-35	2	10		52	KHI	Vietnamese
13	VU VĂN NAM	BK5	22	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN HAI	BK5	01	1	3	35	56	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG THANH	BK5	21	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	23-24	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN XUÂN HÒA	BK5					75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	18	101	772	50	7		
2	BK5	5	5	25	343	35	4		
3	BK6	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		17	23	126	1.115	85	19		
WEIGHT KG				126	1.115	85			

GRAND TOAL: 1.326 KGS

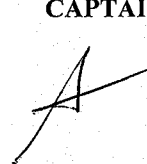
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	TO: RP3 - PPD - P4	CREW: TUYỀN - MMinh - DTùng	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG THANH HÒA	RP3	15-16	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN HUNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	19	1	3		78	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					63	KHI	Vietnamese
5	LANH TRUNG ĐỒNG	RP3	04	1	5		69	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	08	1	8		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	20	1	7		69	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	02	1	5	92	83	KHI	Vietnamese
9	PHẠM DUY DŨNG	RP3					79	KHI	Vietnamese
10	NGO THANH LAM	RP3	06	1	3		65	KHI	Vietnamese
11	LÊ HOÀNG ANH	RP3	11	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	PHẠM HOANG NGUYỄN	RP3	05	1	9		63	KHI	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN CHIẾN	RP3	03	1	3		66	KHI	Vietnamese
14	PHẠM BÌNH NAM	RP3	07	1	5		60	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG LĨNH	RP3	09	1	3		75	KHI	Vietnamese
16	KHÔNG TIẾN DŨNG	RP3	10	1	7		77	KHI	Vietnamese
17	LÊ XUÂN VIỆT ANH	RP3	17-18	2	11		65	KHI	Vietnamese
18	MAI VĂN TÚ	RP3	12	1	6		60	KHI	Vietnamese
19	PHẠM QUỐC NHI	RP3	13-14	2	9		70	KHI	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG VŨ	RP3	200	1	4		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	20	105	1.376	92	19	3	CHUYEN 1 PAX RP3-PPD; 2 PAX RP3-P4
2	PPD	0	0	0	0	0	0		
3	P4	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	20	105	1.376	92	19		
WEIGHT KG				105	1.376	92			

GRAND TOAL: 1.573 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	TO: MRM - CTK3 - RP2	CREW: Dương - ĐNam - Vũ	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN MẠNH CUÔNG	MRM	10	1	10	135	71	SEAMAP	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC HÙNG	MRM	11	1	7		75	SEAMAP	Vietnamese
3	SEREBROV IGOR	MRM	09	1	11		78	VTB	Russian
4	NGUYỄN DINH HAI	CTK3	83	1	3	25	70	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	86-87	2	14	32	72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ PHẠM THANH HUY	RP2	39	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG NGỌC THANH	RP2	42	1	3		98	KH-THAC	Vietnamese
9	PHÙNG BA ĐỀ	RP2	99-100	2	9	40	70	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	35	1	4		57	PSV	Vietnamese
11	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	37	1	5		75	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TIỀN SỸ	RP2	34	1	5		53	PSV	Vietnamese
13	PHAN VĂN HỒNG	RP2	36	1	7		68	PSV	Vietnamese
14	TRAN QUANG PHU	RP2	32-33	2	12		62	DK	Vietnamese

FLIGHT PLAN

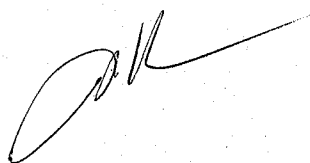
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	3	3	28	224	135	0		+1NB CTK3 VE GHE PHU
2	CTK3	2	3	17	142	57	3		
3	RP2	9	11	61	629	40	19		
TOTAL		14	17	106	995	232	22		
WEIGHT KG				106	995	232			

GRAND TOAL: 1.333 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT: 11	TO: VSP02 - TD5	CREW: CHIẾN - N.ANH - Thành	ETA: 16:25
CAM - 4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN DŨNG	VSP02	35-36	2	20		68	NỘI HỒI V	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH VINH	VSP02	45-46	2	17		80	NỘI HỒI V	Vietnamese
3	HUYNH ANH BAO	VSP02	31-32	2	12		79	KH-THAC	Vietnamese
4	SABITOV A.A	VSP02	29	1	5	80	78	KH-THAC	Russian
5	PHẠM TUẤN VIỆT	VSP02	44	1	10		90	DK9	Vietnamese
6	ĐINH TRƯƠNG PHI	VSP02	38	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	27-28	2	20		96	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	49-50	2	14		59	PSV	Vietnamese
9	HÀN VĂN HIẾU	VSP02	42	1	6		78	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	47-48	2	10		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TÍN	VSP02	41	1	6		58	PSV	Vietnamese
12	LÊ ANH MINH	VSP02	39	1	6		96	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC LÊ	VSP02	43	1	9		65	PSV	Vietnamese
14	HỒ QUỐC VŨ	VSP02	40	1	7		69	PSV	Vietnamese
15	LÊ MINH HUY	VSP02	37	1	9		73	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC VIỆT	VSP02	30	1	9		58	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN QUYỀN	TD5	89	1	17		59	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM TUẤN ANH	TD5	87-88	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN PHÚ	TD5	83-84	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGÔ THANH NAM	TD5	82	1	19		67	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN Y	TD5	85-86	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI ĐẶC CẢNH	TD5	81	1	13		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	16	22	172	1.187	80	10		
2	TD5	6	9	107	386	0	12		
TOTAL		22	31	279	1.573	80	22		
WEIGHT KG				279	1.573	80			

GRAND TOAL: 1.932 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

